

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

QUY CHẾ
QUẢN LÝ CÔNG NỢ

ĐÔNG TRIỀU, NĂM 2025

Số: 10/QĐ-CT

Đông Triều, ngày 26 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều.

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về việc Quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến công tác quản lý, xử lý nợ.

Căn cứ Quyết định số 3966/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh";

Căn cứ Biên bản họp ngày 18/9/2025, giữa cán bộ chủ chốt Công ty với đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở về việc tham gia ý kiến đối với Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh và Văn bản số 25/BC-CD ngày 22/9/2025 của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều.

Căn cứ vào Văn bản số 232/VB-KSV ngày 22/9/2025 của Kiểm soát viên chuyên trách về việc tham gia ý kiến đối với Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều.

Xét đề nghị tại Tờ trình số 11/TTr-GĐCT ngày 25/9/2025, của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

(Kèm theo Quy chế quản lý công nợ)

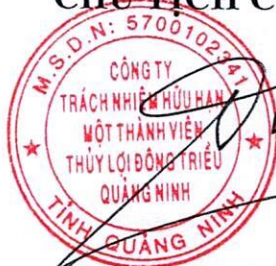
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2025. Các quyết định và quy chế đã ban hành trước đây sẽ không còn hiệu lực.

Điều 3. Ban Điều hành; các phòng: Tổ chức- Hành chính, Tài chính – Kế hoạch, Kỹ thuật- Dịch vụ, Quản lý nước – Quản lý công trình; Đội thi công sửa chữa công trình; các Cụm Thủy nông thuộc Công ty và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Kiểm soát viên chuyên trách;
- Lưu Công ty.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Đặng Văn Tuyên

QUY CHẾ

QUẢN LÝ CÔNG NỢ CỦA CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 210/QĐ-CT ngày 26/9/2025 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều "V/v ban hành Quy chế quản lý công nợ")

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu của quy chế.

1. Đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp: Giảm thiểu rủi ro nợ xấu, thất thoát vốn. Giữ dòng tiền ổn định để phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh.
2. Chuẩn hóa quy trình quản lý nợ: Xác định rõ trách nhiệm của các bộ phận liên quan (kinh doanh, kế toán, pháp chế...). Thiết lập tiêu chí phê duyệt hạn mức tín dụng, điều kiện thanh toán, thời hạn nợ. Có quy định rõ ràng về xử lý các khoản nợ chậm trả, nợ khó đòi.
3. Nâng cao hiệu quả thu hồi công nợ: Đưa ra cơ chế giám sát, nhắc nợ, thu hồi nợ kịp thời. Giảm tình trạng khách hàng chậm thanh toán hoặc chiếm dụng vốn.
4. Quản lý quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng: Đảm bảo thanh toán đúng hạn, duy trì uy tín với nhà cung cấp. Xây dựng chính sách tín dụng hợp lý, hỗ trợ khách hàng nhưng vẫn bảo vệ lợi ích doanh nghiệp.
5. Hỗ trợ công tác ra quyết định của lãnh đạo: Cung cấp số liệu công nợ chính xác, kịp thời. Giúp lãnh đạo đưa ra quyết định về đầu tư, hoặc chính sách tín dụng.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng quy chế

- Quy chế được xây dựng phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về kế toán, tài chính, thuế và các văn bản liên quan.
- Quy định cụ thể về quy trình, trách nhiệm và quyền hạn của từng bộ phận, đảm bảo minh bạch trong theo dõi và xử lý công nợ.
- Các quy định phải phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty, dễ áp dụng và triển khai.
- Đảm bảo giảm thiểu tối đa nợ quá hạn, nợ khó đòi, bảo vệ an toàn tài chính cho Công ty.
- Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Công ty, khách hàng và nhà cung cấp, duy trì quan hệ hợp tác lâu dài.

- Chủ tịch công ty phê duyệt và ban hành quy chế sau khi đã thảo luận công khai, dân chủ, có sự tham gia của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở công ty.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định việc quản lý, theo dõi các khoản nợ phải thu, nợ phải trả trong Công ty. Quy định quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ, đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ đọng, tránh gây tổn thất cho Công ty, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán và chính sách pháp luật về thuế của Nhà nước.

2. Quy chế này áp dụng đối với các khách hàng, nhà cung cấp, đối tác có phát sinh giao dịch mua bán, công nợ với Công ty.

- Tập thể cán bộ công nhân viên và người lao động trong Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và xử lý nợ

1. Quy chế này làm cơ sở để xác định và xử lý các khoản nợ phát sinh; xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các khoản nợ khó đòi hoặc không có khả năng trả nợ, trước hết, doanh nghiệp phải thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và tự tìm mọi biện pháp xử lý thu hồi nợ, cùng chia sẻ khó khăn giữa chủ nợ, khách nợ để xử lý thông qua các hình thức khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ, mua bán nợ; trường hợp vượt quá khả năng và thẩm quyền xử lý, doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp hỗ trợ giải quyết.

3. Các giải pháp về xử lý nợ phải thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở tổ chức sắp xếp, nâng cao hiệu quả của Công ty để có nguồn trả nợ nhằm lành mạnh hóa và ổn định lâu dài tình hình tài chính của Công ty theo nguyên tắc nợ Công ty tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm.

4. Các doanh nghiệp đang thực hiện các thủ tục chuyển đổi được xử lý ngay các khoản nợ tồn đọng phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

5. Các giải pháp về xử lý nợ phải được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở tổ chức sắp xếp, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp để có nguồn trả nợ nhằm lành mạnh hóa và ổn định lâu dài tình hình tài chính doanh nghiệp theo nguyên tắc nợ doanh nghiệp tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm.

6. Định kỳ 06 tháng và kết thúc năm tài chính, cùng với việc lập và nộp báo cáo tài chính, báo cáo giám sát, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện báo cáo chủ sở hữu về tình hình quản lý và thu hồi nợ, xử lý nợ tồn đọng, khả năng và tình hình thanh toán nợ theo quy định tại Nghị định này.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

Điều 5. Quyền, trách nhiệm của Công ty trong quản lý nợ phải thu

1. Quyền của Công ty

1.1. Chủ động theo dõi, yêu cầu thanh toán, thu hồi hoặc bù trừ các khoản nợ theo đúng cam kết với khách hàng, người lao động và quy định của pháp luật.

1.2. Công ty được trích lập Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

1.3. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi vốn trên nguyên tắc trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định. Công ty chỉ bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không bán nợ trực tiếp cho khách nợ.

Công ty chỉ bán nợ khi có ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh; nếu UBND tỉnh có phân cấp cho Chủ tịch Công ty quyết định bán các khoản nợ thì Công ty có quyền bán các khoản nợ mà không phải xin ý kiến của UBND tỉnh khi đó mức phân cấp phải được quy định cụ thể trong quy chế của Công ty.

1.4. Công ty có quyền khiếu nại, khởi kiện khi không thu hồi được nợ, quyền ủy quyền, thuê đòi nợ thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Công ty

2.1. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ; định kỳ đối chiếu công nợ.

2.2. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định, để chủ sở hữu có văn bản nhắc trên 01 lần, căn cứ vào hậu quả của việc xử lý chậm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh thì chủ sở hữu quyết định hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật đối với Chủ tịch Công ty; nếu không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của chủ sở hữu tại doanh nghiệp thì phải đền bù thiệt hại bằng tài sản cá nhân, chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật.

2.3. Kế toán trưởng công ty có trách nhiệm giúp Chủ tịch công ty và Ban điều hành theo dõi, đôn đốc và kịp thời xử lý, báo cáo các khoản nợ đến hạn và nợ khó đòi.

2.4. Khi xác định là nợ phải thu khó đòi, Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2.5. Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Công ty phải xác định rõ nguyên nhân khách quan hay chủ quan. Đối với nguyên nhân chủ quan, công ty có trách nhiệm xử lý bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan. Đối với nguyên nhân khách quan, Chủ tịch Công ty, Ban điều hành và các phòng ban có liên quan phải xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xác nhận; nếu xác định các khoản nợ này có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi; nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

2.6. Nợ không có khả năng thu hồi sau khi đã xử lý theo quy định tại Khoản 2.5 Điều này, Công ty vẫn phải theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán và trong thuyết minh báo cáo tài chính trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và có các biện pháp để thu hồi nợ, nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi được sau khi trừ đi các chi phí liên quan, được hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

Điều 6. Các khoản nợ phải thu

1. Nợ phải thu của khách hàng

1.1 Nợ phải thu khách hàng: Là khoản nợ phát sinh Công ty phải thu của khách hàng khi thực hiện bán, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, cấp nước mặt từ các hồ, TSCĐ, XDCB...;

1.2 Phân loại đối tượng gồm: Phải thu khách hàng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và phải thu trực tiếp của người sử dụng sản phẩm, dịch vụ

- Phải thu khách hàng được hỗ trợ từ NSNN: Là khoản chênh lệch phát sinh giữa số phải cấp với số đã cấp do việc Công ty đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quyết định phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ của UBND tỉnh.

- Phải thu trực tiếp từ khách hàng sử dụng dịch vụ: căn cứ vào khối lượng sản phẩm dịch vụ Công ty đã cung cấp và được nghiệm thu, kế toán công nợ, phòng Tài chính – Kế hoạch, đơn vị có liên quan phải theo dõi đối chiếu, đôn đốc thu nợ của khách hàng.

2. Tạm ứng

- Tạm ứng là một khoản tiền hoặc vật tư do Công ty giao cho người nhận tạm ứng để thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh hoặc giải quyết một công việc nào đó đã được Chủ tịch, Giám đốc Công ty phê duyệt (*tạm ứng đi công tác, tạm ứng tiền lương những ngày nghỉ phép; tạm ứng chi phí mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu sửa chữa, bảo dưỡng công trình, tạm ứng chi phí hành chính...*). Người nhận tạm ứng phải là người lao động làm việc tại Công ty và chỉ được sử dụng tạm ứng theo đúng nội dung công việc đã được phê duyệt; không được chuyển tiền tạm ứng cho người khác sử dụng.

- Người nhận tạm ứng tiền phải thực hiện thanh toán ngay sau khi thực hiện xong công việc và trong thời gian cam kết hoàn ứng. Người nhận tạm ứng phải thanh toán dứt điểm khoản tạm ứng kỳ trước mới được nhận tạm ứng kỳ sau. Người nhận tạm ứng còn số dư tạm ứng chưa thanh toán đến ngày 31/12 hàng năm phải tiến hành đối chiếu ký xác nhận. Trong trường hợp không hoàn trả đúng thời hạn, phòng Tài chính - Kế hoạch trừ ngay khi thanh toán lương, thưởng và Công ty có xem xét phạt trong thi đua và cả hình thức khác khi cần thiết;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch: Theo dõi các khoản phải thu tạm ứng của cán bộ nhân viên chi tiết từng cán bộ nhân viên; thực hiện trừ tạm ứng vào tiền lương, tiền thưởng và báo cáo kịp thời cho lãnh đạo trong các trường hợp dây dưa kéo dài.

3. Trả trước cho người bán

3.1 Trả nước cho người bán là khoản nợ phải thu phát sinh do việc Công ty ký kết các hợp đồng mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, xây dựng cơ bản có ứng tiền trước cho nhà cung cấp. Việc ứng tiền trước cho nhà cung cấp phải được thực hiện đúng theo quy định pháp luật và hợp đồng đã được ký kết.

3.2 Trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành, nguồn vốn được bố trí, khả năng cân đối kinh phí, lãnh đạo các phòng ban đơn vị trực tiếp đề xuất ký kết hợp đồng phối hợp phòng Tài chính – Kế hoạch và các đơn vị có liên quan thương thảo hợp đồng đề xuất Chủ tịch Công ty quyết định mức ứng trước Trường hợp Quy chế tài chính của Công ty có quy định về việc phân cấp thẩm quyền ký kết hợp đồng có phát sinh khoản ứng trước cho khách hàng thì thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính.

3.3 Theo dõi, đôn đốc thu hồi khoản trả trước cho người bán

- Lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị, cá nhân trực tiếp đề xuất ký kết hợp đồng hay trong phạm vi trách nhiệm phụ trách của phòng, ban, đơn vị thì chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện hợp đồng để đảm bảo thu hồi khoản tiền ứng trước đúng theo tiến độ;

- Phòng Tài chính – Kế hoạch theo dõi khoản ứng trước từng hợp đồng và theo từng khách hàng; Phân loại các khoản ứng trước theo nội dung: nợ đến hạn phải thu, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi; kịp thời báo cáo lãnh đạo để có biện pháp thu hồi nợ.

4. Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác là các khoản nợ phải thu phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty chưa phản ánh ở các khoản phải thu trên đây gồm: Giá trị tài sản thiếu đã được phát hiện chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý; các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân, tập thể (trong hoặc ngoài Công ty) gây ra như mất mát, hư hỏng vật tư, công cụ dụng cụ, tài sản ... đã được xử lý bắt buộc bồi thường; các khoản thu tư vấn thiết kế, xây dựng công trình, thu thanh lý tài sản cố định; khoản cho mượn vật tư mang tính chất tạm thời; các khoản phải thu khác, ...

Từng khoản phải thu đều phải được quản lý chặt chẽ theo đúng nội dung, thời hạn thanh toán hoặc theo dõi xử lý, đôn đốc thu hồi theo đúng quy chế này và các quy định hiện hành. Cuối mỗi năm đều phải thực hiện đối chiếu, xác nhận nợ.

Điều 7. Trích lập dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi và xử lý các khoản phải thu còn có khả năng thu hồi

1. Trích lập dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi

Khi xác định là nợ phải thu khó đòi, Công ty thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản nợ này theo quy định Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 và các quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), cụ thể:

1.1. Đối tượng lập dự phòng là các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn, đồng thời đảm bảo điều kiện sau:

a) Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm:

- Một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ;

- Bản thanh lý hợp đồng (nếu có);

- Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát);

- Bảng kê công nợ;

- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

b) Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

1.2. Mức trích lập:

a) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

b) Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án thì Công ty tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng.

1.3. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, Công ty phải trích lập dự phòng theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định sau:

a) Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán thì không được trích lập bổ sung khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

b) Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán thì trích lập bổ sung số chênh lệch đó và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

c) Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán thì thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch đó và ghi giảm chi phí trong kỳ.

d) Công ty phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nêu trên. Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí của công ty.

g) Khi trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có phát sinh cả nợ phải thu và nợ phải trả, căn cứ biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên để doanh nghiệp trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này.

Mức trích lập dự phòng của từng khoản nợ quá hạn được tính theo tỷ lệ (%) của khoản nợ quá hạn phải trích lập theo thời hạn quy định nhân (x) với tổng nợ còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả.

2. Xử lý các khoản nợ phải thu có khả năng thu hồi

a) Đối với các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi: Phòng Tài vụ - Tổ chức hành chính chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Giám đốc Công ty tích cực đôn đốc và áp dụng mọi biện pháp để thu hồi.

b) Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng trở lên còn có khả năng thu hồi: Công ty thực hiện trích lập dự phòng và hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp trong năm theo quy định tại Khoản 1,2,3 điều này.

Điều 8. Xử lý các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi

1. Nợ phải thu không có khả năng thu hồi là các khoản nợ theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này và được xử lý theo thứ tự sau đây:

- a) Xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu tập thể, cá nhân bồi thường theo quy định của pháp luật.
- b) Dùng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi để bù đắp.
- c) Hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập doanh nghiệp, tùy theo trường hợp cụ thể.

Trong trường hợp thực hiện bán nợ theo quy định của pháp luật, sau khi xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu đương sự bồi thường theo quy định của pháp luật, chênh lệch giữa giá trị khoản nợ với giá bán được bù đắp bằng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi, nếu thiếu hạch toán vào chi phí kinh doanh của công ty.

2. Nợ phải thu không có khả năng thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều này khi có đủ các tài liệu chứng minh, cụ thể như sau:

- Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được đến thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp như: hợp đồng kinh tế; khế ước vay nợ; cam kết nợ; bản thanh lý hợp đồng (nếu có); đối chiếu công nợ (nếu có); văn bản đề nghị đối chiếu công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát); bảng kê công nợ và các chứng từ khác có liên quan.

- Trường hợp đối với tổ chức kinh tế:

- + Đối tượng nợ đã phá sản: có quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản.

- + Đối tượng nợ đã ngừng hoạt động, giải thể: có văn bản xác nhận hoặc thông báo bằng văn bản/thông báo trên trang điện tử chính thức của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động hoặc giải thể; hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp, tổ chức khởi kiện ra tòa án theo quy định, có bản án, quyết định của tòa và có ý kiến xác nhận của cơ quan thi hành án về việc đối tượng nợ không có tài sản để thi hành án.

- + Đối với khoản nợ phải thu nhưng đối tượng nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật; khoản chênh lệch thiệt hại được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho bán nợ.

- Trường hợp đối với cá nhân:

+ Giấy chứng tử (bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với đối tượng nợ đã chết.

+ Lệnh truy nã; hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với đối tượng nợ đã bỏ trốn; hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật về việc đối tượng nợ không còn ở nơi cư trú đối với khoản nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông; hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án.

- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm a khoản 1.2 Điều 7 dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ.

3. Xử lý tài chính

- Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đối tượng nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác).

- Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi được sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có) để bù đắp, phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

- Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi sau khi đã có quyết định xử lý theo quy định trên, phải được theo dõi trong hệ thống quản trị của Công ty và trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ được hạch toán vào thu nhập.

- Công ty được xử lý và hạch toán một lần các khoản nợ không thu hồi được vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm theo các quy định quy chế này.

- Trường hợp Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì Công ty có trách nhiệm bàn giao các khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp theo quy định. Các cơ quan tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi đối với các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi tuy đã được xử lý nhưng khách nợ còn tồn tại. Trong thời gian chưa thực hiện bàn giao, Công ty vẫn có trách nhiệm tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi các khoản nợ này.

4. Hồ sơ xử lý các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi
- Quyết định thành lập Hội đồng xử lý nợ không có khả năng thu hồi.
 - Hội đồng xử lý nợ gồm: Chủ tịch công ty, Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban, các cụm trưởng cụm Thủy nông có liên quan.
 - Biên bản của Hội đồng xử lý nợ, trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi đã trừ đi các khoản thu hồi được).
 - Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán. Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được, đến thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp.
 - Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện trích lập dự phòng liên quan đến các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi.
 - Các tài liệu theo quy định tại khoản 2 điều này.

Điều 9. Xử lý các khoản nợ phải thu của Công ty liên quan đến ngân sách nhà nước

1. Các khoản được ngân sách hỗ trợ hoặc cấp bù theo quy định đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa được cấp thì Phòng Tài chính – Kế hoạch có trách nhiệm phải theo dõi tham mưu Chủ tịch, Ban điều hành Công ty báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí để cấp đủ cho Công ty.
2. Các khoản Công ty đã nộp thừa vào ngân sách cấp nào thì Công ty phải có văn bản yêu cầu ngân sách cấp đó phải hoàn trả cho Công ty hoặc trừ vào khoản nộp kỳ sau theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
3. Các khoản nợ của Công ty do chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ vốn để thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản thuộc các công trình, dự án được đầu tư bằng vốn từ ngân sách nhà nước; thanh toán tiền nhượng bán tài sản, trụ sở làm việc đã được phê duyệt thì Công ty phải theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí dự toán ngân sách để thanh toán đủ kịp thời cho Công ty theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.
4. Các khoản tiền của Công ty bị các cơ quan nhà nước tạm giữ trong quá trình kiểm tra, thanh tra, điều tra vụ án, sau khi có kết luận doanh nghiệp không có sai phạm hoặc không phải khắc phục hậu quả thì các cơ quan quyết định tạm giữ phải hoàn trả ngay cho doanh nghiệp trong vòng 05 ngày làm việc.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Điều 10. Trách nhiệm của Công ty trong việc quản lý nợ phải trả

1. Ban hành và thực hiện Quy chế quản lý nợ của doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 206/2013/NĐ-CP, phân công và xác định rõ trách nhiệm trong việc theo dõi, thanh toán các khoản nợ phải trả, mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả; phân loại theo thời gian các khoản nợ phải trả (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán); phân loại theo tính chất khoản nợ (nợ dài hạn, nợ ngắn hạn)

2. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả theo tung đối tượng nợ gồm cả các khoản lãi phải trả; phân loại theo thời gian các khoản nợ phải trả (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán); phân loại theo tính chất khoản nợ (nợ dài hạn, nợ ngắn hạn, nợ vay ưu đãi, vay thương mại, vay nước ngoài, vay có bảo lãnh của Chính phủ...); theo dõi đầy đủ đối với các khoản cam kết bảo lãnh của Công ty.

3. Đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không vượt quá 3 lần theo quy định của Chính phủ về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Khi có nhu cầu huy động vốn vượt quy định để đầu tư các dự án quan trọng, phải xây dựng phương án cụ thể, xác định rõ kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền trả nợ, báo cáo chủ sở hữu xem xét, quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả. Công ty chịu trách nhiệm về hiệu quả dự án và đảm bảo khả năng trả nợ, Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

4. Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ; Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn. Các khoản nợ phải trả mà không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

5. Chủ tịch công ty phải quản lý và điều hành doanh nghiệp bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ; có trách nhiệm phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn; nếu không xử lý kịp thời để phát sinh tình trạng nợ phải trả quá hạn không thanh toán trên 06 tháng, căn cứ vào hậu quả của việc không xử

lý kịp thời, chủ sở hữu quyết định hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật đối với Chủ tịch công ty nếu không xử lý kịp thời dẫn đến mất khả năng thanh toán nợ thì phải chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật.

6. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp cho người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên Công ty và các cá nhân có liên quan đến khoản nợ sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ).

Điều 11. Các khoản nợ phải trả và xử lý các khoản nợ phải trả

1. Phải trả người bán: Là khoản phải trả phát sinh do Công ty ký kết các hợp đồng mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, xây dựng, tư vấn, ... chưa trả cho người bán. Việc thanh toán các khoản nợ phải trả người bán được thực hiện đúng theo quy định pháp luật, hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên và nguồn kinh phí được bố trí từ NSNN.

2. Các khoản nợ vay của tổ chức tín dụng: Khi cần thiết phải vay nợ để huy động vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Giám đốc Công ty đề xuất Chủ tịch Công ty quyết định hoặc xin chủ trương của Chủ sở hữu (nếu vượt thẩm quyền) về việc vay tiền cho từng khoản vay cụ thể. Việc vay tiền phải có phương án, kế hoạch cụ thể và phải đảm bảo hiệu quả sử dụng tiền vay tốt nhất, kỳ hạn, lãi suất bảo đảm tốt nhất.

3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Thực hiện đúng theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn. Việc xử lý các khoản nợ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định về thuế, phí, lệ phí.

4. Các khoản phải nộp về bảo hiểm, kinh phí công đoàn: Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm và pháp luật về công đoàn. Nếu do nguồn vốn từ NSNN cấp chậm công ty sẽ có văn bản xin nợ sang đầu quý liền kề khi công ty được cấp trên tạm ứng vốn.

5. Khoản phải trả về tiền lương, tiền công, khen thưởng, phúc lợi: Thực hiện đúng theo Quy chế trả tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng; quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thưởng người quản lý của Công ty và các hợp đồng, thỏa thuận, thỏa ước lao động tập thể được ký kết.

6. Các khoản phải trả khác: Đảm bảo trả ngay khi đến hạn thanh toán.



Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ NỢ

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty trong việc quản lý nợ

1. Ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý nợ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Điều hành, quản lý nợ phải thu, phải trả đúng quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những thuận lợi và khó khăn trong việc xử lý nợ phải thu; Chỉ đạo Giám đốc Công ty quản lý điều hành nợ phải trả đúng theo quy chế Quản lý nợ;
3. Thành lập hội đồng xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi; căn cứ biên bản của Hội đồng xử lý nợ, các bằng chứng có liên quan đến các khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi được; Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và Pháp luật về quyết định xử lý nợ của mình.
4. Xem xét quyết định xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân trong quản lý nợ
5. Chỉ đạo, phân công theo dõi, đôn đốc, giám sát việc quản lý nợ.
6. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm của Kế toán trưởng trong việc quản lý nợ

1. Thực hiện đúng phân công, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trong quản lý điều hành nợ phải thu, nợ phải trả;
2. Cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ, có trách nhiệm phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có đề xuất giải pháp khắc phục kịp thời;
3. Chỉ đạo, hướng dẫn cán bộ nhân viên kế toán trong việc mở sổ theo dõi chi tiết các khoản nợ theo từng đối tượng, từng nội dung công việc, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi nợ; đối chiếu công nợ định kỳ;
4. Tham mưu Chủ tịch Công ty thực hiện thanh toán, thu hồi các khoản nợ; trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo Quy chế quản lý nợ và quy định của Pháp luật;
5. Điều hành bộ máy Kế toán thực hiện nghiệp vụ quản lý, định khoản kế toán nợ phải thu, phải trả theo đúng quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của phòng Tài chính - Kế hoạch trong việc quản lý nợ

1. Tuân thủ đúng quy chế, chỉ đạo của Chủ tịch, Ban điều hành, Kế toán trưởng Công ty trong thực hiện nghiệp vụ quản lý nợ.
2. Thực hiện mở sổ theo dõi các khoản nợ từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ chưa đến hạn thanh toán; nợ đến hạn thanh toán; nợ quá hạn thanh toán; nợ khó đòi; nợ không có khả năng thu hồi; nợ đến thời hạn thu hồi), đơn đốc thu hồi nợ, đối chiếu công nợ theo đúng định kỳ.
3. Thực hiện thu nợ, thanh toán nợ đúng thời gian, đúng số nợ.
4. Kịp thời báo cáo Lãnh đạo các trường hợp phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi; Phân tích nguyên nhân dẫn đến tình trạng này nếu do nguyên nhân chủ quan của nghiệp vụ mà gây ra thiệt hại thì phải có trách nhiệm bồi thường.
5. Chịu trách nhiệm thực hiện các báo cáo phục vụ cho yêu cầu quản lý nợ phải thu theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu quản lý điều hành của Công ty.
6. Quản lý, hạch toán kế toán nợ phải thu, phải trả theo đúng quy định.
7. Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ; thường xuyên xem xét đánh giá phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty không để phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

Điều 15. Trách nhiệm của các phòng, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc quản lý nợ

1. Tuân thủ đúng quy chế, chỉ đạo của Ban lãnh đạo trong thực hiện nhiệm vụ; Nếu không tuân thủ đúng để xảy ra thiệt hại thì phải có trách nhiệm bồi thường;
2. Phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch để thực hiện đơn đốc thu hồi, thanh toán nợ.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2025. Những Quy định, Quyết định trước đây của Công ty trái với Quy chế này được bãi bỏ.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý nợ chưa được quy định trong quy chế hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng./.

Đông Triều, ngày 18 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN

**Họp tham gia ý kiến đối với Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty
TNHH một thành viên thủy lợi Đông Triều.**

*Hôm nay, vào hồi 09 h30' ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Văn phòng Công ty
TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều, chúng tôi gồm có:*

I. THÀNH PHẦN THAM GIA.

1. Đại diện Công ty:

- Chủ tịch công ty;
- Kiểm soát viên chuyên trách;
- Ban Giám đốc công ty;
- Kế toán trưởng;
- Trưởng, phó các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; Đội trưởng, đội phó đội thi công sửa chữa công trình.

2. Đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở.

- | | |
|------------------------|--------------------------------|
| - Ông: Nguyễn Hải Hà | - Chủ tịch Công đoàn cơ sở; |
| - Ông: Phạm Quang Nhân | - Ủy viên BCH Công đoàn cơ sở; |
| - Ông: Lê Văn Kiên | - Tổ trưởng tổ công đoàn số 5. |

3. Chủ trì hội nghị:

- Ông: Đặng Văn Tuyên – Chủ tịch công ty.

4. Thư ký hội nghị

- Bà: Phạm Thị Thanh Nhân – Nhân viên Phòng Tài chính – Kế hoạch

II. Nội dung cuộc họp.

1. Ông: Đặng Văn Tuyên - Chủ tịch công ty thông qua nội dung, mục đích, ý nghĩa và lý do phải xây dựng Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh theo quy định.

2. Bà: Nguyễn Thị Kim Loan – Kế toán trưởng công ty thông qua các căn cứ pháp lý và thông qua toàn bộ nội dung của Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh, cụ thể như sau:

2.1. Về các căn cứ pháp lý:

- Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

- Luật Kế toán ngày 20/11/2015;

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về việc Quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

- Quyết định số 3966/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh";

- Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Về việc quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi của 03 Công ty TNHH MTV Thủy lợi: Đông Triều, Yên Lập, Miền Đông";

2.2. Thông qua toàn bộ nội dung của dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

3. Các ý kiến tham gia vào dự thảo Quy chế:

- Ý kiến tham của ông Vũ Minh Thành – Giám đốc Công ty: Quy chế được xây dựng có bố cục rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về kế toán, tài chính, thuế và các văn bản liên quan; phù hợp với mô hình, đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty. Giao phòng Tài chính- Kế hoạch tham mưu cho Giám đốc Công ty báo cáo Chủ tịch Công ty phê duyệt và ban hành.

- Ý kiến của ông Nguyễn Hải Hà – Phó Giám đốc Công ty (Chủ tịch Công đoàn cơ sở): Quy chế đã đảm bảo được các yêu cầu quy định hiện hành của nhà nước, đảm bảo phù hợp với mô hình hoạt động, đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty và Đảm bảo giảm thiểu tối đa nợ quá hạn, nợ khó đòi, bảo vệ an toàn tài chính cho Công ty. Nhất trí để phòng Tài chính- Kế hoạch, tham mưu cho Giám đốc Công ty báo cáo Chủ tịch phê duyệt làm cơ sở thực hiện theo quy định.

Các thành viên dự hội nghị thống nhất: Quy chế quản lý công nợ được xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành, phù hợp với thực tế sản xuất và có bố cục rõ ràng; đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Công ty, khách hàng và nhà cung cấp. 100% thành viên tham dự nhất trí biểu quyết thông qua Quy chế và giao phòng Tài chính- Kế hoạch chỉnh sửa, hoàn thiện, tham mưu cho Giám đốc Công ty báo cáo, trình Chủ tịch Công ty phê duyệt làm cơ sở để thực hiện.

Biên bản kết thúc vào hồi 11h30' cùng ngày, đã được thông qua cho các thành viên có mặt cùng nghe, nhất trí ký tên. Biên bản được lập thành 03 bản, phòng Tổ chức – Hành chính giữ 01 bản lưu, phòng Tài chính- Kế hoạch 01 bản, Công đoàn cơ sở Công ty (đại diện cho người lao động) giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau./.

THƯ KÝ



Phạm Thị Thanh Nhân

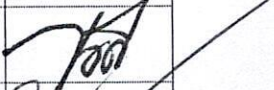
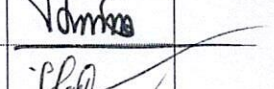
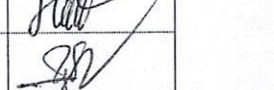
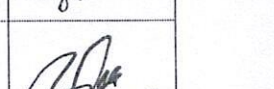
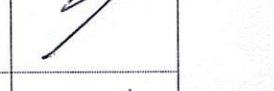
CHỦ TỊCH CÔNG TY



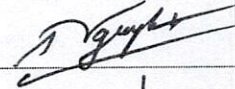
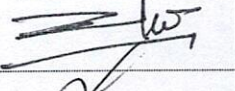
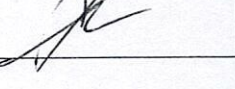
Đặng Văn Tuyên

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. ĐẠI DIỆN CÔNG TY:

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ký tên
1	Ông: Nguyễn Văn Kiên	Kiểm soát viên chuyên trách	
2	Ông: Vũ Minh Thành	Giám đốc công ty	
3	Bà: Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	
4	Ông: Nguyễn Văn Phúc	TP. Kỹ thuật- Dịch vụ	
5	Ông: Lê Văn Dũng	Phó Phòng Quản lý nước- QLCT	
6	Bà: Lê Thu Hà	Phó phòng Kỹ thuật- Dịch vụ	
7	Bà: Đặng Thị Hường	Phó phòng TC-HC	
8	Ông: Nguyễn Thành Chung	Đội trưởng đội thi công sửa chữa công trình	
9	Bà: Nguyễn Thị Hồng Thao	Trưởng phòng TC-HC	
10	Ông: Đỗ Thanh Phương	Đội phó đội thi công sửa chữa công trình	
11	Bà: Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phó phòng Tài chính-Kế hoạch	

2. ĐẠI DIỆN BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ.

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ký tên
1	Ông: Nguyễn Hải Hà	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	
2	Ông: Phạm Quang Nhân	Ủy viên BCH- Tổ trưởng Tổ Công đoàn số 4;	
3	Ông: Lê Văn Kiên	Tổ trưởng Tổ Công đoàn số 5	

Đông Triều, ngày 20 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN

Họp Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tham gia ý kiến đối với Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều.

Căn cứ Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 18/9/2025, giữa cán bộ chủ chốt Công ty với đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

Hôm nay, vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại Văn phòng Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều, chúng tôi gồm có:

I. Thành phần tham gia

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1. Ông: Nguyễn Hải Hà | - Chủ tịch Công đoàn cơ sở - Chủ tọa |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Hồng Thao | - Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở - Thư ký |
| 3. Ông: Nguyễn Minh Tuấn | - Ủy viên BCH Công đoàn; |
| 4. Bà: Nguyễn Thị Huyền | - Ủy viên BCH Công đoàn; |
| 5. Ông: Phạm Quang Nhấn | - Ủy viên BCH Công đoàn; |

II. Nội dung cuộc họp.

Ban chấp hành Công đoàn cùng với các Tổ Công đoàn cơ sở Công ty họp để tham gia ý kiến đối với Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

Ông Nguyễn Hải Hà thông qua Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh, để áp dụng kể từ ngày 01/10/2025;

Các ông (bà) về tham dự hội nghị sau khi nghe ông Nguyễn Hải Hà, Chủ tịch Công đoàn Công ty thông qua toàn bộ nội dung về Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều, đã thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, nghiêm túc và đều nhất trí vì Quy chế xây dựng phù hợp với các văn bản pháp lý của nhà nước quy định hiện hành, phù hợp với thực tế sản xuất và có bố cục rõ ràng, đảm bảo an

toàn tài chính cho doanh nghiệp: Giảm thiểu rủi ro nợ xấu, thất thoát vốn. Giữ dòng tiền ổn định để phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty đã biểu quyết, có 05/05 đồng chí =100%, nhất trí với Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều để áp dụng trong Công ty. Ban chấp hành Công đoàn có trách nhiệm báo cáo để làm cơ sở cho Công ty tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Công ty phê duyệt.

Biên bản kết thúc vào hồi 16h 00' cùng ngày và đã được thông qua cho mọi người có mặt cùng nghe, nhất trí ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản. Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty 01 bản, gửi Công ty 01 bản có giá trị pháp lý như nhau ./.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hồng Thao

TM. BCH CÔNG ĐOÀN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Hà

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ký tên
1	Ông: Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên BCH cơ sở	
2	Bà: Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên BCH cơ sở	
3	Ông: Phạm Quang Nhân	Ủy viên BCH cơ sở	

Số: ~~22~~/TTr-GĐCT

Đông Triều, ngày 25 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý công nợ
của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều.**

Kính gửi: Chủ tịch Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều.

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về việc Quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến công tác quản lý, xử lý nợ.

Căn cứ Quyết định số 3966/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh";

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Về việc quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi của 03 Công ty TNHH MTV Thủy lợi: Đông Triều, Yên Lập, Miền Đông";

Căn cứ Biên bản họp ngày 18/9/2025, giữa cán bộ chủ chốt Công ty với đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở về việc tham gia ý kiến đối với Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh và Văn bản số 25/BC-CD ngày 22/9/2025 của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều.

Căn cứ vào Văn bản số ~~232~~ /VB-KSV ngày 22/9/2025 của Kiểm soát viên chuyên trách về việc tham gia ý kiến đối với Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều.

Giám đốc Công ty trình Chủ tịch Công ty xem xét, phê duyệt Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh (gửi kèm theo Quy chế) để Công ty có cơ sở thực hiện và triển khai các bước theo đúng quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi (báo cáo);
- Lưu Công ty.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Vũ Minh Thành

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
CÔNG ĐOÀN CÔNG TY TNHH MTV
THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25/BB-CD

Đông Triều, ngày 22 tháng 9 năm 2025

V/v tham gia ý kiến đối với Dự thảo Quy
chế quản lý công nợ của Công ty TNHH
một thành viên Thủy lợi Đông Triều.

Kính gửi: Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều.

*Căn cứ Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên
Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh;*

*Căn cứ Biên bản họp ngày 18/9/2025, giữa cán bộ chủ chốt Công ty với đại diện
Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo quy chế quản
lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.*

Ngày 22/9/2025, Ban chấp hành Công đoàn cùng với các Tổ Công đoàn cơ sở
Công ty đã họp để tham gia ý kiến đối với dự thảo quy chế quản lý công nợ của Công
ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều.

Ban chấp hành Công đoàn cơ sở đã biểu quyết, có 05/05 đồng chí =100%, nhất
trí với dự thảo quy chế quản lý công nợ của Công ty. Vì Quy chế xây dựng phù hợp
với các văn bản pháp lý của nhà nước quy định hiện hành, phù hợp với thực tế sản
xuất và có bố cục rõ ràng, đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp: Giảm thiểu rủi ro
nợ xấu, thất thoát vốn. Giữ dòng tiền ổn định để phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Ban chấp hành Công đoàn cơ sở xin báo cáo để Công ty TNHH MTV Thủy lợi
Đông Triều nắm được, sớm phê duyệt và ban hành Quy chế để làm cơ sở cho Công ty
thực hiện các nội dung của quy chế theo quy định./.

BCH Công đoàn cơ sở xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi (b/c);
- BCH CĐCS;
- Lưu CD.

**TM. BCH CÔNG ĐOÀN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33/VB-KSV

Đông Triều, ngày 22 tháng 9 năm 2025

V/v tham gia ý kiến đối với
Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của
Công ty TNHH một thành viên
Thủy lợi Đông Triều.

Kính gửi: Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều.

Ngày 20/9/2025, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều nhận được Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Quy chế quản lý công nợ của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều; đối chiếu với các quy định của nhà nước. Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều có ý kiến, như sau:

Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều nhất trí với Dự thảo quy chế quản lý công nợ của Công ty. Vì Quy chế xây dựng phù hợp với các văn bản pháp lý, quy phạm pháp luật theo quy định của Nhà nước; phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quy chế có bố cục rõ ràng, mạnh mẽ, sắp xếp khoa học.

Kiểm soát viên tham gia ý kiến để làm cơ sở cho Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều phê duyệt và ban hành Quy chế và triển khai thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi ;
- Lưu VP.

KIỂM SOÁT VIÊN



Nguyễn Văn Kiên